

BẢN PHÂN CÔNG NHÓM PHỤ TRÁCH VÀ TRƯỞNG NHÓM MÔN HỌC

(được thông qua tại cuộc họp ngày 19 tháng 12 năm 2012)

Nội dung gồm:

- A. Phân công nhóm chuyên môn và nhóm trưởng môn học của các chương trình :
1. Chương trình cử nhân KTTP
 2. Chương trình cử nhân KTSH
 3. Chương trình kỹ sư KTTP và KTSH
 4. Chương trình cử nhân CNTP
- B. Chính sửa cấu trúc một số học phần

1. PHÂN CÔNG GIẢNG DẠY CHƯƠNG TRÌNH CỬ NHÂN

ngành Kỹ thuật Thực phẩm

STT	Mã số	Tên học phần	Khối lượng	CB viết đề cương	Bộ môn phụ trách Giảng dạy	Nhóm chuyên môn /trưởng nhóm môn học
1.	BF3050	Hoá sinh	4(4-0-0-8)	PGS. Nguyễn Thị Xuân Sâm	VS-HS-SHPT	PGS. Nguyễn Thị Xuân Sâm, TS. Lê Quang Hòa
2.	BF3091	Thí nghiệm hoá sinh	2(0-0-4-4)	PGS. Nguyễn Thị Xuân Sâm	VS-HS-SHPT	PGS. Nguyễn Thị Xuân Sâm PGS. Tô Kim Anh TS. Lê Quang Hòa TS. Trương Quốc Phong, TS. Đỗ Biên Cương
3.	BF3012	Vì sinh vật thực phẩm	3(3-0-0-6)	PGS. Nguyễn Văn Cách, PGS. Trần Liên Hà	VS-HS-SHPT	PGS. Nguyễn Văn Cách TS. Nguyễn Liêu Ba PGS. Trần Liên Hà
4.	BF3013	Thí nghiệm vi sinh vật thực phẩm	2(0-0-4-4)	PGS. Nguyễn Văn Cách, PGS. Trần Liên Hà	VS-HS-SHPT	PGS. Nguyễn Văn Cách TS. Nguyễn Liêu Ba PGS. Trần Liên Hà TS. Phạm Tuấn Anh ThS. Nguyễn Thanh Hòa, TS. Đặng Minh Hiếu
5.	BF3014	Quá trình và thiết bị cơ học	3(2-1-1-6)	PGS. Phạm Công Thành PGS. Lê Nguyên Đương TS. Lương Hồng Nga	QT&TB	PGS. Lê Nguyên Đương ThS. Lê Ngọc Cương ThS. Phạm Thanh Hương

6.	BF3015	Quá trình và thiết bị chuyển khối	3(2-1-1-6)	PGS.Tôn Thất Minh PGS.Nguyễn Xuân Phương	QT&TB	PGS. Tôn Thất Minh PGS. Nguyễn Xuân Phương TS. Nguyễn Ngọc Hoàng
7.	BF3016	Quá trình và thiết bị nhiệt	2(2-0-1-4)	PGS.Nguyễn Xuân Phương PGS.Tôn Thất Minh	QT&TB	PGS. Lê Nguyên Đương TS. Nguyễn Ngọc Hoàng PGS. Nguyễn Xuân Phương ThS. Phạm Thanh Hương
8.	BF3017	Đồ án I – Quá trình và thiết bị	1(0-2-0-2)	PGS.Tôn Thất Minh	QT&TB	Bộ môn
9.	BF3018	Quản lý chất lượng trong công nghệ thực phẩm	2(2-0-0-4)	GS. Hà Duyên Tư PGS. Nguyễn Thị Minh Tú	QLCL	GS. Hà Duyên Tư PGS. Nguyễn Thị Minh Tú TS.Cung Thị Tố Quỳnh TS. Vũ Hồng Sơn
10.	BF3019	Kỹ thuật đo lường và lý thuyết điều khiển tự động	3(3-0-0.5-6)	GS.TS. Hoàng Đình Hòa TS. Nguyễn Minh Hệ	QT&TB	GVCC. Nguyễn Minh Hệ ThS. Nguyễn Đức Trung ThS. Phạm Ngọc Hưng
11.	BF3032	Dinh dưỡng và an toàn thực phẩm	3(2-2-0-4)	PGS. Lâm Xuân Thanh PGS. Nguyễn Thị Minh Tú	CNTP	PGS. Lâm Xuân Thanh PGS. Phan Thanh Tâm
12.	BF3021	Các phương pháp Phân tích và Kiểm tra chất lượng thực phẩm	4(3-0-2-8)	ThS. Vũ Hồng Sơn PGS. Lê Thanh Mai	QLCL	TS. Vũ Hồng Sơn PGS. Lê Thanh Mai ThS. Hoàng Quốc Tuấn
13.	BF3023	Nhập môn Kỹ thuật thực phẩm	2(2-0-1-4)	PGS. Nguyễn Xuân Phương GS. Hoàng Đình Hòa	CNTP	TS. Chu Kỳ Sơn TS. Vũ Thu Trang Th.S. Đỗ Thị Yến
14.	BF4219	Kỹ thuật thực phẩm	3(3-0-0-6)	<u>PGS. Phạm Công Thành</u> PGS. Nguyễn Thanh Hằng	CNTP	PGS. Nguyễn Thanh Hằng PGS. Phan Thanh Tâm ThS. Đỗ Thị Yến
15.	BF4216	Nguyên liệu thực phẩm	2(2-0-0-4)	PGS. Hà Văn Thuyết TS. Hồ Phú Hà	CNTP	TS. Hồ Phú Hà TS. Lương Hồng Nga
16.	BF4212	Enzym trong công nghệ thực phẩm	2(2-0-0-4)	PGS. Phạm Thu Thủy PGS. Nguyễn Thị Xuân Sâm	VS-HS- SHPT	PGS. Phạm Thu Thủy PGS. Nguyễn Thị Xuân Sâm
17.	BF4213	Bảo quản nông sản thực phẩm	2(2-0-0-4)	PGS. Hà Văn Thuyết TS. Phan Thanh Tâm	CNTP	PGS. Phan Thanh Tâm TS. Hồ Phú Hà
18.	BF4214	Thí nghiệm chuyên ngành CNTP	3(0-0-6-6)	TS. Phan Thanh Tâm TS. Hồ Phú Hà	CNTP	bộ môn CNTP
19.	BF4217	Công nghệ lạnh	2(1-2-0-4)	PGS. Nguyễn Xuân	CNTP	PGS. Nguyễn Xuân Phương

		thực phẩm		Phương ThS. Nguyễn Thị Hạnh		ThS. Nguyễn Thị Hạnh
20.	BF4317	Bao bì thực phẩm	2(2-0-0-4)	PGS. Nguyễn Duy Thịnh TS. Cung Tố Quỳnh	CNTP	PGS. Lâm Xuân Thanh TS. Vũ Thu Trang TS. Lê Hoàng Lâm
21.	BF4340	Hệ thống quản lý và đảm bảo chất lượng	2(1,5-1-0-4)	PGS. Nguyễn Minh Tú PGS. Lâm Xuân Thanh	QLCL	PGS. Nguyễn Thị Minh Tú TS. Cung Thị Tố Quỳnh TS. Nguyễn Thị Thảo
22.	BF3022	Kỹ thuật xử lý chất thải trong công nghệ thực phẩm	2(1-2-0-4)	TS. Nguyễn Lan Hương TS. Lê Thanh Hà	CNSH	PGS. Nguyễn Lan Hương PGS. Lê Thanh Hà
23.	BF4215	Đồ án chuyên ngành CNTP	2(0-4-0-4)	PGS. Lê Thanh Mai ThS. Đỗ Thị Yến	CNTP	bộ môn CNTP
24.	BF4580	Thực tập kỹ thuật	2	ThS. Nguyễn Thị Yến TS. Chu Kỳ Sơn	CNTP	bộ môn CNTP
25.	BF4591	Đồ án tốt nghiệp	6		CNTP	bộ môn CNTP
26.	BF4310	Công nghệ thực phẩm đại cương	3(3-0-0-6)	<u>PGS. Phạm Công Thành</u> PGS. Nguyễn Thanh Hằng	CNTP	ThS. Đỗ Thị Yến TS. Lương Hồng Nga
27.	BF4311	Kiểm soát CL VSV trong TP	2(1-0-2-4)	PGS. Lê Thanh Mai TS. Trần Thị Minh Khánh	CNTP	PGS. Lê Thanh Mai TS. Hồ Phú Hà
28.	BF4312	Đánh giá cảm quan thực phẩm	2(1-0-2-4)	GS. Hà Duyên Tư ThS. Từ Việt Phú	QLCL	GS. Hà Duyên Tư TS. Từ Việt Phú TS. Cung Tố Quỳnh ThS. Vũ Thị Minh Hằng
29.	BF4313	Phân tích thành phần lý hóa thực phẩm	2(1-0-2-4)	ThS. Vũ Hồng Sơn PGS. Phạm Thu Thủy	QLCL	TS. Vũ Hồng Sơn ThS. Hoàng Quốc Tuấn
30.	BF4314	Hệ thống văn bản quản lý chất lượng	3(2-2-0-6)	PGS. Nguyễn Thị Minh Tú ThS. Vũ Hồng Sơn	QLCL	PGS. Nguyễn Thị Minh Tú TS. Vũ Hồng Sơn TS. Nguyễn Thị Thảo
31.	BF4315	Xử lý thống kê ứng dụng	2(1.5-1-0-4)	GS. Hà Duyên Tư ThS. Vũ Hồng Sơn	QLCL	GS. Hà Duyên Tư TS. Vũ Hồng Sơn TS. Từ Việt Phú
32.	BF4316	Marketing thực phẩm	2(2-0-0-4)	PGS. Nguyễn Duy Thịnh	QLCL	TS. Cung Tố Quỳnh TS. Vũ Hồng Sơn TS. Từ Việt Phú TS. Nguyễn Thị Thảo
33.	BF4318	Tiêu chuẩn và quy	2(2-0-0-4)	PGS. Nguyễn Duy	QLCL	PGS. Nguyễn Thị Minh Tú

		chuẩn thực phẩm		Thịnh		TS. Cung Thị Tố Quỳnh ThS. Hoàng Quốc Tuấn
34.	BF4319	Phụ gia thực phẩm	2(2-0-0-4)	PGS. Nguyễn Duy Thịnh TS. Cung Tố Quỳnh	QLCL	TS. Cung Thị Tố Quỳnh TS. Lê Hoàng lâm TS. Vũ Thu Trang
35.	BF4321	Đồ án chuyên ngành QLCL	2(0-4-0-4)	PGS. Nguyễn Minh Tú TS. Vũ Hồng Sơn	QLCL	Bộ môn QLCL
36.	BF4580	Thực tập kỹ thuật	2	PGS. Nguyễn Minh Tú TS. Vũ Hồng Sơn	QLCL	Bộ môn QLCL
37.	BF4591	Đồ án tốt nghiệp	6	PGS. Nguyễn Minh Tú TS. Vũ Hồng Sơn	QLCL	Bộ môn QLCL
38.	BF4411	Máy và thiết bị chế biến thực phẩm	3(3-0-0-6)	PGS. Tôn Thất Minh	QT-TB	PGS. Tôn Thất Minh PGS. Lê Nguyên Đương ThS. Lê Ngọc Cương
39.	BF4412	Điều khiển tự động các quá trình công nghệ thực phẩm	2(2-0-0-4)	TS. Nguyễn Minh Hệ	QT-TB	GVCC.TS. Nguyễn Minh Hệ ThS. Nguyễn Đức Trung ThS. Phạm Ngọc Hưng
40.	BF4415	Thí nghiệm chuyên ngành QTTB	2(0-0-4-4)	PGS.TS. Tôn Thất Minh ThS. Phạm Thanh Hương	QT-TB	GVCC.TS. Nguyễn Minh Hệ ThS. Phạm Thanh Hương ThS. Lê Ngọc Cương ThS. Nguyễn Đức Trung ThS. Phạm Ngọc Hưng
41.	BF4416	Máy tự động trong sản xuất TP	2(2-0-0-4)	TS. Nguyễn Minh Hệ ThS. Phạm Ngọc Hưng	QT-TB	GVCC TS. Nguyễn Minh Hệ ThS. Nguyễn Đức Trung ThS. Phạm Ngọc Hưng
42.	BF4419	Ứng dụng tin học trong tính toán thiết kế máy và thiết bị	3(2-2-0-6)	GS. Hoàng Đình Hòa TS. Nguyễn Minh Hệ	QT-TB	ThS. Lê Ngọc Cương ThS. Nguyễn Đức Trung ThS. Phạm Ngọc Hưng
43.	BF4421	Đồ án chuyên ngành QTTB	2(0-4-0-4)	TS. Nguyễn Minh Hệ PGS.TS. Lê Nguyên Đương	QT-TB	Bộ môn QT-TB
44.	BF4580	Thực tập kỹ thuật	2	PGS. Tôn Thất Minh ThS. Phạm Thanh Hương	QT-TB	Ths. Lê Ngọc Cương ThS. Phạm Thanh Hương ThS. Nguyễn Đức Trung ThS. Phạm Ngọc Hưng
45.	BF4591	Đồ án tốt nghiệp	6	TS. Nguyễn Minh Hệ PGS. Lê Nguyên Đương	QT-TB	Bộ môn QT-TB

2. PHÂN CÔNG GIẢNG DẠY CHƯƠNG TRÌNH CỬ NHÂN KỸ THUẬT SINH HỌC

STT	Mã số	Tên học phần	Khối Lượng	CB viết đề cương	Bộ môn phụ trách Giảng dạy	Nhóm chuyên môn. Trưởng nhóm môn học
1.	BF2112	Nhập môn kỹ thuật sinh học	2(2-0-1-4)	GS. Hoàng Đình Hòa PGS. Tô Kim Anh	CNSH	PGS. Quản Lê Hà PGS. Lê Thanh Hà
2.	BF3121	Quá trình và thiết bị CNSH	2(2-0-0-4)	TS. Lê Thanh Hà	CNSH	PGS. Lê Thanh Hà TS. Nguyễn Tiến Thành
3.	BF3125	Kỹ thuật đo lường và điều khiển quá trình công nghệ	2(2-0-1-4)	TS. Nguyễn Minh Hệ	QT-TB	GVCC. TS Nguyễn Minh Hệ Ths. Nguyễn Đức Trung ThS. Phạm Ngọc Hưng
4.	BF3124	Hệ thống Quản lý chất lượng trong CNSH	2(2-1-0-4)	TS. Cung Tố Quỳnh	QLCL	TS. Cung Tố Quỳnh TS. Vũ Hồng Sơn PGS. Nguyễn Thị Xuân Sâm
5.	BF2110	Hóa sinh	4 (4-0-0-8)	PGS.Tô Kim Anh PGS. Nguyễn Thị Xuân Sâm	VS-HS-SHPT	PGS.Tô Kim Anh TS. Trương Quốc Phong TS. Đỗ Biên Cường
6.	BF2111	Thí nghiệm hóa sinh	2 (0-0-4-4)	PGS.Tô Kim Anh PGS. Nguyễn Thị Xuân Sâm	VS-HS-SHPT	PGS.Tô Kim Anh PGS. Nguyễn Thị Xuân Sâm TS. Trương Quốc Phong TS. Đỗ Biên Cường TS. Lê Quang Hòa
7.	BF3111	Vi sinh vật	3 (3-0-0-6)	PGS.Trần Liên Hà	VS-HS-SHPT	PGS. Nguyễn Văn Cách PGS.Trần Liên Hà TS. Nguyễn Liêu Ba TS. Phạm Tuấn Anh
8.	BF3112	Thí nghiệm vi sinh vật	2 (0-0-4-4)	PGS.Trần Liên Hà	VS-HS-SHPT	PGS. Nguyễn Văn Cách PGS.Trần Liên Hà TS. Nguyễn Liêu Ba TS. Phạm Tuấn Anh TS. Đặng Minh Hiếu ThS. Nguyễn Thanh Hòa
9.	BF3113	Sinh học tế bào và miễn dịch	4 (3-1-1-8)	PGS.Khuất Hữu Thanh PGS. Nguyễn Thị Xuân Sâm	VS-HS-SHPT	PGS. Nguyễn Thị Xuân Sâm PGS.Khuất Hữu Thanh TS. Đặng Minh Hiếu
10.	BF3114	Sinh thái học môi	3(3-0-0-6)	TS. Nguyễn Lan Hương	CNSH	PGS. Nguyễn Lan

		trường				Hương PGS. Khuất Hữu Thanh
11.	BF3115	Di truyền học và Sinh học phân tử	3(2-2-0-6)	PGS.Khuất Hữu Thanh PGS.Tô Kim Anh	VS-HS-SHPT	PGS.Khuất Hữu Thanh PGS.Tô Kim Anh TS. Trương Quốc Phong
12.	BF3116	Kỹ thuật gen	3 (2-0-2-6)	PGS.Trần Liên Hà TS.Lê Quang Hòa	VS-HS-SHPT	PGS.Trần Liên Hà TS.Lê Quang Hòa ThS. Nguyễn Thanh Hòa PGS.Khuất Hữu Thanh
13.	BF3123	Tin sinh học	2(1-0-2-4)	PGS. Nguyễn Văn Cách TS. Trương Quốc Phong	VS-HS-SHPT	PGS. Nguyễn Văn Cách TS. Trương Quốc Phong ThS. Nguyễn Thanh Hòa
14.	BF3117	Phương pháp phân tích trong CNSH	2 (2-0-1-4)	PGS. Quán Lê Hà PGS. Phạm Thu Thủy	CNSH	PGS. Quán Lê Hà PGS. Lê Thanh Hà
15.	BF3122	Đồ án chuyên ngành	2 (0-4-0-4)	GS. Hoàng Đình Hòa PGS. Phạm Thu Thủy	CNSH	Bộ môn CNSH và Khối GV CNSH
16.	BF4181	Thực tập kỹ thuật	2 TC	TS. Lê Thanh Hà PGS. Nguyễn Thị Xuân Sâm	CNSH	Bộ môn CNSH
17.	BF4151	Kỹ thuật sinh học xử lý chất thải	3(3-1-0-6)	TS. Nguyễn Lan Hương TS. Trần Ngọc Hân	CNSH	PGS. Nguyễn Lan Hương PGS. Lê Thanh Hà
18.	BF4161	TN Kỹ thuật sinh học xử lý chất thải	2(0-0-4-4)	TS. Nguyễn Lan Hương TS. Trần Ngọc Hân	CNSH	PGS. Nguyễn Lan Hương PGS. Lê Thanh Hà
19.	BF4152	Công nghệ vi sinh vật	3(3-0-0-6)	PGS. Nguyễn Văn Cách PGS. Nguyễn Thanh Hằng	VS_HS_SHPT	PGS. Nguyễn Văn Cách TS. Phạm Tuấn Anh
20.	BF4162	TN Công nghệ lên men	2(0-0-4-4)	PGS. Nguyễn Văn Cách TS. Lê Thanh Hà	VS_HS_SHPT	PGS. Nguyễn Văn Cách TS. Phạm Tuấn Anh TS. Nguyễn Tiến Thành
21.	BF4153	Công nghệ tế bào động vật	2(2-0-0-4)	PGS. Khuất Hữu Thanh PGS. Nguyễn Thị Xuân Sâm	VS-HS-SHPT	PGS. Khuất Hữu Thanh TS. Đặng Minh Hiếu
22.	BF4163	TN Kỹ thuật DNA tái tổ hợp	2(0-0-4-4)	TS. Lê Quang Hòa TS. Trương Quốc Phong	VS-HS-SHPT	TS. Trương Quốc Phong TS. Lê Quang Hòa Th.S Nguyễn Thanh Hòa
23.	BF4154	Công nghệ enzym	3(3-0-0-6)	GS. Đặng Thu GV. Đỗ Biên Cương	VS-HS-SHPT	TS. Đỗ Biên Cương TS. Trương Quốc Phong

24.	BF4164	TN Công nghệ enzym	2(0-0-4-4)	GS. Đặng Thu GV. Đỗ Biên Cương	VS-HS-SHPT	TS. Đỗ Biên Cương TS. Trương Quốc Phong PGS. Tô Kim Anh PGS. Nguyễn Thị Xuân Sâm
25.	BF4155	Kỹ thuật thu nhận Hợp chất có hoạt tính sinh học từ thực vật	2 (2-1-0-4)	PGS. Đỗ Hoa Viên PGS. Nguyễn Minh Tú	CNSH	PGS. Đỗ Hoa Viên PGS. Nguyễn Minh Tú
26.	BF4165	TN thu nhận các hoạt chất sinh học từ thực vật	2(0-0-4-4)	PGS. Đỗ Hoa Viên PGS. Nguyễn Minh Tú	CNSH	PGS. Đỗ Hoa Viên PGS. Nguyễn Minh Tú
27.	BF4173	Qui hoạch thực nghiệm	2(2-0-0-4)	GS. Hoàng Đình Hòa GVC. Vũ Hồng Sơn	CNSH	GS. Hoàng Đình Hòa TS. Vũ Hồng Sơn
28.	BF4174	Công nghệ sản phẩm lên men	2(2-0-0-4)	PGS. Nguyễn Thanh Hằng	CNTP	PGS. Nguyễn Thanh Hằng TS. Chu Kỳ Sơn PGS. Đỗ Thị Hoa Viên
29.	BF4175	Công nghệ sinh khối vi sinh vật	2(2-0-0-4)	PGS. Quản Lê Hà TS. Nguyễn Liễu Ba	CNSH	PGS. Quản Lê Hà TS. Nguyễn Liễu Ba PGS. Lê Thanh Hà
30.	BF4191	Đồ án tốt nghiệp cử nhân	6TC	PGS. Tô Kim Anh	CNSH	Bộ môn CNSH và Khối GV CNSH

3. Phân công giảng dạy các học phần thuộc chương trình kỹ sư

STT	Mã số	Tên học phần	Khối Lượng	CB viết đề cương	Thuộc chương trình	Nhóm chuyên môn. Trưởng nhóm môn học
1.	BF5011	Tối ưu hóa quá trình và tổ chức sản xuất	2(2-1-0-4)	GS. Hoàng Đình Hòa	KS chung	GS. Hoàng Đình Hòa TS. Vũ Hồng Sơn
2.	BF5020	Cơ sở lập dự án và thiết kế nhà máy	4(3-2-0-8)	GS. Hoàng Đình Hòa	KS chung	GS. Hoàng Đình Hòa TS. Nguyễn Tiến Thành
3.	BF 5930	Thực tập TN và Đồ án TN CNTP	12 (0-0-12-40)	PGS. Lê Thanh Mai TS. Chu Kỳ Sơn PGS. Phan Thanh Tâm	CNTP	Bộ môn CNTP
4.	BF5210	Thông gió, hút bụi và điều hòa không khí	2(2-0-0-4)	PGS. Nguyễn Xuân Phương PGS. Lê Thị Cúc TS. Lương Hồng Nga	CNTP	PGS. Nguyễn Xuân Phương TS. Lương Hồng Nga
5.	BF5220	Công nghệ malt và bia	3(3-0-1-6)	GS. Hoàng Đình Hòa PGS. Lê Thanh Mai	CNTP	PGS. Lê Thanh Mai GS. Hoàng Đình Hòa TS. Hồ Phú Hà TS. Nguyễn Tiến Thành
6.	BF5230	Công nghệ cồn và rượu cao độ	3(3-0-1-6)	PGS. Nguyễn Thanh Hằng	CNTP	PGS. Nguyễn Thanh Hằng PGS. Đỗ Hoa Viên
7.	BF5240	Công nghệ rượu vang	3(3-0-1-6)	PGS. Phạm Thu Thủy TS. Chu Kỳ Sơn	CNTP	PGS. Phạm Thu Thủy PGS. Lê Thanh Mai TS. Chu Kỳ Sơn
8.	BF5250	Công nghệ sữa	3(3-0-1-6)	PGS. Lâm Xuân Thanh TS. Vũ Thu Trang	CNTP	PGS. Lâm Xuân Thanh TS. Vũ Thu Trang
9.	BF5260	Công nghệ thịt	3(3-0-1-6)	PGS. Phan Thanh Tâm	CNTP	TS. Phan Thanh Tâm Th.S Đỗ Thị Yến
10.	BF5270	Công nghệ lương thực	3(3-0-1-6)	PGS. Bùi Đức Hợi TS. Lương Hồng Nga	CNTP	TS. Lương Hồng Nga PGS. Nguyễn Xuân Phương
11.	BF5280	Công nghệ thủy sản	3(3-0-1-6)	<u>PGS. Phạm Công Thành</u> ThS. Đỗ Thị Yến	CNTP	ThS Đỗ Thị Yến PGS. Phan Thanh Tâm
12.	BF5290	Công nghệ chè	3(3-0-1-6)	PGS. Nguyễn Duy Thịnh	CNTP	ThS Đỗ Thị Yến TS. Vũ Thu Trang TS. Lê Hoàng Lâm
13.	BF5410	Công nghệ cà phê và cacao	3(3-0-1-6)	TS. Hồ Phú Hà PGS. Nguyễn Duy Thịnh	CNTP	TS. Hồ Phú Hà PGS. Phan Thanh Tâm
14.	BF5430	Công nghệ dầu béo	3(3-0-1-6)	TS. Vũ Hồng Sơn	CNTP	TS. Vũ Hồng Sơn

15.	BF5440	Công nghệ chất thơm	3(3-0-1-6)	PGS. Nguyễn Thị Minh Tú	CNTP	PGS. Nguyễn Minh Tú TS. Vũ Hồng Sơn PGS. Nguyễn Minh Tú
16.	BF5450	Công nghệ thuốc lá	3(3-0-1-6)	TS. Chu Kỳ Sơn ThS. Nguyễn Thị Yến	CNTP	TS. Chu Kỳ Sơn TS. Nguyễn Tiến Thành
17.	BF5460	Công nghệ rau quả	3(3-0-1-6)	PGS. Hà Văn Thuyết ThS. Nguyễn Thị Hạnh	CNTP	Ths. Nguyễn Thị Hạnh PGS. Nguyễn Xuân Phương
18.	BF5470	Công nghệ đường	3(3-0-1-6)	TS Chu Kỳ Sơn GVC. Trần Mạnh Hùng TS. Nguyễn Tiến Thành	CNTP	TS. Chu Kỳ Sơn ThS Hoàng Quốc Tuấn
19.	BF5480	Công nghệ bánh kẹo	3(3-0-1-6)	TS. Lương Hồng Nga GVC. Trần Mạnh Hùng TS. Phan Thanh Tâm	CNTP	TS. Lương Hồng Nga PGS. Phan Thanh Tâm
20.	BF5310	Phân tích nhanh chất lượng TP	3(3-0-1-6)	PGS. Tô Kim Anh TS. Vũ Hồng Sơn	QLCL	TS. Vũ Hồng Sơn TS. Lê Quang Hòa ThS. Hoàng Quốc Tuấn TS. Lê Hoàng Lâm
21.	BF5320	Kiểm định nguồn gốc thực phẩm	2(2-0-1-4)	ThS. Hoàng Quốc Tuấn TS. Vũ Hồng Sơn	QLCL	PGS. Nguyễn Minh Tú TS. Nguyễn Thị Thảo ThS. Hoàng Quốc Tuấn
22.	BF5330	Quản lý chất lượng toàn diện chuỗi cung ứng TP	3(2-2-0-4)	PGS. Nguyễn Thị Minh Tú PGS. Nguyễn Duy Thịnh	QLCL	GS. Hà Duyên Tư PGS. Nguyễn Minh Tú TS. Cung Tố Quỳnh TS. Lê Hoàng Lâm TS. Nguyễn Thị Thảo
23.	BF5340	Thực phẩm hữu cơ	2(2-0-0-4)	ThS. Hoàng Quốc Tuấn PGS. Nguyễn Thị Minh Tú	QLCL	ThS. Hoàng Quốc Tuấn TS. Nguyễn Thị Thảo
24.	BF5350	Thiết kế đảm bảo vệ sinh trong Công nghiệp TP	2(1-2-0-4)	TS. Cung Thị Tố Quỳnh TS. Lê Hoàng Lâm	QLCL	TS. Lê Hoàng Lâm ThS. Hoàng Quốc Tuấn TS. Cung Tố Quỳnh
25.	BF5360	Tin học ứng dụng trong QLCL	2(2-1-0-4)	GS. Hà Duyên Tư TS. Vũ Hồng Sơn	QLCL	GS. Hà Duyên Tư TS. Vũ Hồng Sơn TS. Từ Việt Phú
26.	BF5530	Thiết kế thiết bị truyền nhiệt, chuyển khối trong sản xuất thực phẩm	4(3-1-1-8)	PGS. Tôn Thất Minh	QT&TB	PGS. Tôn Thất Minh PGS. Lê Nguyên Đương TS. Nguyễn Ngọc Hoàng
27.	BF5540	Tích hợp hệ thống tự	3(2-1-1-6)	GVCC.TS.	QT&TB	GVCC.TS. Nguyễn Minh

		động điều khiển quá trình công nghệ		Nguyễn Minh Hệ		Hệ ThS. Nguyễn Đức Trung ThS. Phạm Ngọc Hưng
28.	BF5550	Trang thiết bị điện cho máy thực phẩm	2(2-0-0-4)	GVCC.TS. Nguyễn Minh Hệ	QT&TB	GVCC.TS. Nguyễn Minh Hệ ThS. Nguyễn Đức Trung ThS. Phạm Ngọc Hưng
29.	BF5560	Cơ cấu chấp hành tự động thủy – khí	2(2-1-0-4)	GVCC.TS. Nguyễn Minh Hệ	QT&TB	GVCC.TS. Nguyễn Minh Hệ ThS. Nguyễn Đức Trung ThS. Phạm Ngọc Hưng
30.	BF5570	Máy vận chuyển, định lượng và bao gói sản phẩm	2(2-1-0-4)	PGS. Lê Nguyên Đương	QT&TB	PGS. Tôn Thất Minh PGS. Lê Nguyên Đương
31.	BF5580	Thiết kế hệ thống bơm quạt máy nén	2(2-1-0-4)	PGS. Tôn Thất Minh	QT&TB	TS. Nguyễn Ngọc Hoàng ThS. Lê Ngọc Cương
32.	BF5590	Thiết kế hệ thống lạnh và điều hòa không khí	2(2-1-0-4)	PGS. Tôn Thất Minh	QT&TB	TS. Nguyễn Ngọc Hoàng ThS. Lê Ngọc Cương
33.	BF5511	Thiết kế hệ thống sấy các sản phẩm thực phẩm	2(2-1-0-4)	PGS. Lê Nguyên Đương	QT&TB	PGS. Lê Nguyên Đương ThS. Phạm Thanh Hương
34.	BF5110	Độc tố học	2(2-1-0-4)	PGS. Nguyễn Thị Xuân Sâm PGS. Lâm Xuân Thanh	VS-HS-SHPT	TS. Đặng Minh Hiếu Ths. Nguyễn Thanh Hòa
35.	BF5111	Công nghệ vắc xin	2(2-1-0-4)	PGS. Nguyễn Xuân Sâm	VS-HS-SHPT	PGS. Nguyễn Thị Xuân Sâm TS. Trương Quốc Phong
36.	BF5112	Kỹ thuật sinh học xử lý chất thải rắn	2(2-1-0-4)	TS. Nguyễn Lan Hương	CNSH	PGS. Nguyễn Lan Hương PGS. Lê Thanh Hà
37.	BF5113	Kỹ thuật sinh học xử lý nước thải	3 (3-1-0-6)	TS. Nguyễn Lan Hương	CNSH	TS. Trần Ngọc Hân PGS. Nguyễn Lan Hương PGS. Lê Thanh Hà
38.	BF5120	Công nghệ phân bón vi sinh	3 (2-1-1-6)	TS. Nguyễn Liêu Ba	CNSH	TS. Nguyễn Liêu Ba PGS. Nguyễn Lan Hương
39.	BF5130	Công nghệ chế phẩm sinh học bảo vệ thực vật	3 (2-1-1-6)	PGS. Phạm Thu Thủy	CNSH	PGS. Phạm Thu Thủy PGS. Lê Thanh Hà
40.	BF5140	Công nghệ lên men các hợp chất kháng sinh	3 (2-1-1-6)	PGS. Nguyễn Văn Cách	CNSH	PGS. Nguyễn Văn Cách TS. Phạm Tuấn Anh
41.	BF5151	Công nghệ axit amin	3 (2-1-1-6)	PGS. Quản Lê Hà	CNSH	PGS. Quản Lê Hà

						TS. Hồ Phú Hà
42.	BF5160	Công nghệ sản xuất axit và dung môi hữu cơ	3 (2-2-0-6)	PGS. Đỗ Hoa Viên	CNSH	PGS. Đỗ Hoa Viên PGS. Nguyễn Thanh Hằng
43.	BF5170	Công nghệ nuôi cấy mô tế bào thực vật	3 (2-1-1-6)	TS. Lê Quang Hòa	VS-HS-SHPT	TS. Lê Quang Hòa
44.	BF5191	Điều khiển tự động trong CNSH	2 (2-1-0-4)	TS. Nguyễn Minh Hệ	CNSH	GVCC.TS Nguyễn Minh Hệ ThS. Phạm Ngọc Hưng
45.	BF5920	Thực tập tốt nghiệp và Đồ án tốt nghiệp	12 (0-0-12-40)	PGS. Tô Kim Anh	CNSH	Bộ môn CNSH, TTCNSH VS-HS-SHPT,

4. Phân công giảng dạy chương trình cử nhân công nghệ thực phẩm

STT	Mã số	Tên học phần	Khối Lượng	CB viết đề cương	Bộ môn	Nhóm chuyên môn. Trưởng nhóm môn học
1.	BF2010	Hoá sinh	3(3-0-0-6)	PGS. Nguyễn Thị Xuân Sâm	VS-HS-SHPT	PGS. Nguyễn Thị Xuân Sâm, TS. Lê Quang Hòa TS. Đỗ Biên Cương
2.	BF2011	Thí nghiệm hoá sinh	3(0-0-6-6)	PGS. Nguyễn Thị Xuân Sâm	VS-HS-SHPT	PGS. Nguyễn Thị Xuân Sâm PGS. Tô Kim Anh TS. Lê Quang Hòa TS. Trương Quốc Phong, TS. Đỗ Biên Cương
3.	BF2012	Vi sinh vật thực phẩm	2(2-0-0-4)	PGS. Nguyễn Văn Cách	VS-HS-SHPT	PGS. Nguyễn Văn Cách TS. Nguyễn Liêu Ba PGS. Trần Liên Hà TS. Phạm Tuấn Anh
4.	BF2013	Thí nghiệm vi sinh vật thực phẩm	3(0-0-6-6)	TS. Nguyễn Liêu Ba	VS-HS-SHPT	PGS. Nguyễn Văn Cách TS. Nguyễn Liêu Ba PGS. Trần Liên Hà TS. Phạm Tuấn Anh ThS. Nguyễn Thanh Hòa, TS. Đặng Minh Hiếu
5.	BF2023	Nhập môn Công nghệ thực phẩm	3(2-0-2-6)	PGS. Nguyễn Xuân Phương GS. Hoàng Đình Hòa	CNTP	TS. Chu Kỳ Sơn TS. Vũ Thu Trang PGS. Nguyễn Xuân Phương Th.S. Đỗ Thị Yến
6.	BF3814	Quá trình và thiết bị cơ học	2(2-0-0-4)	<u>PGS. Phạm Công Thành</u> PGS. Lê Nguyên Dương	QT&TB	PGS. Lê Nguyên Dương ThS. Lê Ngọc Cương
7.	BF3815	Quá trình và thiết bị chuyển khối	2(2-0-0-4)	PGS. Tôn Thất Minh PGS. Nguyễn Xuân Phương	QT&TB	PGS. Tôn Thất Minh PGS. Nguyễn Xuân Phương
8.	BF3816	Quá trình và thiết bị truyền nhiệt	2(2-0-0-4)	PGS. Tôn Thất Minh PGS. Nguyễn Xuân Phương	QT&TB	TS. Nguyễn Ngọc Hoàng PGS. Nguyễn Xuân Phương
9.	BF3831	Các phương pháp phân tích và kiểm tra chất lượng thực phẩm	3(2-0-2-6)	TS. Vũ Hồng Sơn PGS. Lê Thanh Mai	QLCL	TS. Vũ Hồng Sơn PGS. Lê Thanh Mai ThS. Hoàng Quốc Tuấn
10.	BF3817	Đồ án I – Quá trình và thiết bị	3(0-3-3-6)	PGS. Tôn Thất Minh	QT&TB	Bộ môn QTTB
11.	BF3818	Đồ án II – Công nghệ thực phẩm	3(0-3-3-6)	TS. Phan Thanh Tâm	CNTP	bộ môn CNTP
12.	BF3811	Nguyên liệu và phụ	2(2-0-0-4)	TS. Hồ Phú Hà	CNTP	TS. Hồ Phú Hà

		gia thực phẩm		TS. Cung Tố Quỳnh		TS. Lương Hồng Nga TS Cung Tố Quỳnh TS Lê Hoàng Lâm
13.	BF3819	Công nghệ sản xuất thực phẩm	4(4-0-0-8)	PGS. Nguyễn Thanh Hằng PGS. Hà Văn Thuyết	CNTP	PGS. Nguyễn Thanh Hằng ThS. Đỗ Thị Yến
14.	BF3813	Bảo quản thực phẩm	2(2-0-0-4)	PGS. Hà Văn Thuyết TS. Phan Thanh Tâm	CNTP	TS. Phan Thanh Tâm TS. Hồ Phú Hà
15.	BF3840	Hệ thống quản lý chất lượng TP	2(2-0-0-4)	PGS. Nguyễn Minh Tú PGS. Lâm Xuân Thanh	QLCL	PGS. Nguyễn Minh Tú TS. Cung Thị Tố Quỳnh TS. Nguyễn Thị Thảo
16.	BF4710	Thí nghiệm chuyên ngành CNTP	2(0-0-4-4)	TS. Phan Thanh Tâm TS. Hồ Phú Hà	CNTP	Bộ môn CNTP
17.	BF4212	Enzym trong công nghệ thực phẩm	2(2-0-0-4)	PGS. Phạm Thu Thủy PGS. Nguyễn Thị Xuân Sâm	VS-HS-SHPT	PGS. Phạm Thu Thủy TS. Lê Quang Hòa PGS. Nguyễn Thị Xuân Sâm
18.	BF4217	Công nghệ lạnh thực phẩm	2(1-2-0-4)	PGS. Nguyễn Xuân Phương ThS. Nguyễn Thị Hạnh	CNTP	PGS. Nguyễn Xuân Phương ThS. Nguyễn Thị Hạnh
19.	BF4312	Đánh giá cảm quan thực phẩm	2(1-0-2-4)	GS. Hà Duyên Tư	QLCL	GS. Hà Duyên Tư TS. Từ Việt Phú ThS. Vũ Thị Minh Hằng
20.	BF4313	Phân tích thành phần lý hóa thực phẩm	2(1-0-2-4)	TS. Vũ Hồng Sơn PGS. Phạm Thu Thủy	QLCL	TS. Vũ Hồng Sơn ThS. Hoàng Quốc Tuấn
21.	BF4318	Tiêu chuẩn và quy chuẩn thực phẩm	2(2-0-0-4)	PGS. Nguyễn Duy Thịnh Nguyễn Thị Minh Tú	QLCL	PGS. Nguyễn Minh Tú TS. Cung Thị Tố Quỳnh ThS. Hoàng Quốc Tuấn
22.	BF4319	Phụ gia thực phẩm	2(2-0-0-4)	PGS. Nguyễn Duy Thịnh TS. Cung Thị Tố Quỳnh	QLCL	TS. Cung Tố Quỳnh TS. Lê Hoàng lâm
23.	BF4411	Máy và thiết bị chế biến thực phẩm	3(3-0-0-6)	PGS. Tôn Thất Minh	QT&TB	PGS. Tôn Thất Minh
24.	BF4416	Máy tự động trong sản xuất TP	2(2-0-0-4)	GVCC. Nguyễn Minh Hệ	QT&TB	GVCC.TS Nguyễn Minh Hệ
25.	BF4801	Thực tập công nghiệp	12TC	ThS. Đỗ Thị Yến TS. Phan Thanh Tâm	CNTP,	CNTP QLCL QT và TB
26.	BF4800	Đồ án tốt nghiệp	6TC	TS. Chu Kỳ Sơn TS. Hồ Phú Hà	CNTP,	CNTP QLCL QT và TB

B/Thay đổi cấu trúc Môn học

STT	Mã học phần	Tên học phần	Khối lượng cũ	Khối lượng đã sửa
1.	BF 2112	Nhập môn KTSH	2(1-2-0-4)	2(2-0-1-4)
2.	BF3113	Sinh học tế bào và miễn dịch	4 (3-0-2-8)	4 (3-1-1-8)
3.	BF4215	Đồ án chuyên ngành CNTP	2 (0-0-4-4)	2(0-4-0-4)
4.	BF3817	Đồ án I – Quá trình và thiết bị	3 (0-0-6-6)	3(0-3-3-6)
5.	BF3818	Đồ án II – Công nghệ thực phẩm	3(0-0-6-6)	3(0-3-3-6)
6.	BF5310	Phân tích nhanh chất lượng TP	3(2-0-2-6)	3 (3-0-1-6)
7.	BF 5320	Kiểm định nguồn gốc thực phẩm	2 (1-0-2-4)	2(2-0-1-4)
8.	BF 5360	Tin học ứng dụng trong QLCL	2 (2-0-0-4)	2 (2-1-0-4)

Ngày 19 tháng 12 năm 2012

VIỆN CÔNG NGHỆ SINH HỌC- CÔNG NGHỆ THỰC PHẨM